

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /2016/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 16 tháng 5 năm 2016

SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số:
ĐẾN Ngày: 18/5/2016
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục QLXLVPHC và TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC. *sb*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY CHẾ

Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2016/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức, nội dung phối hợp, hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Khách quan, công khai, minh bạch.

2. Thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời và có hiệu quả.

3. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

5. Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và Nhân dân.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
3. Bố trí kinh phí, phương tiện và trang thiết bị khác phục vụ việc phối hợp.
4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức họp liên ngành.
5. Các hình thức phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG, HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 4. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành để xác định nội dung được giao quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản; lập danh mục văn bản quy định chi tiết trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Xây dựng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Danh mục văn bản quy định chi tiết được ban hành.

c) Xây dựng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo đúng tiến độ được phê duyệt và quy định đầy đủ nội dung được giao quy định chi tiết đã được xác định trong Danh mục văn bản quy định chi tiết.

2. Sở Tư pháp

Căn cứ các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này, chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các việc sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết.

c) Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo kế hoạch.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết.

đ) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Điều 5. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

1. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết được xem xét, đánh giá trên cơ sở quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là *Thông tư số 14/2014/TT-BTP*), cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn) phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan tư pháp) để tổng hợp.

3. Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 6. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

1. Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét các nội dung cơ bản sau đây:

a) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán.

b) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành.

c) Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý.

d) Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện.

đ) Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiệu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

2. Nguồn thông tin cơ bản để đánh giá về tính khả thi của văn bản quy định chi tiết bao gồm:

a) Thông tin của các cơ quan chuyên môn.

b) Các thông tin như kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật,

kiểm soát thủ tục hành chính; phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về cơ quan tư pháp để tổng hợp.

4. Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 7. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

2. Cơ quan chuyên môn xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế, đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực, gửi cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.

3. Cơ quan chuyên môn xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với thực trạng bảo đảm, đánh giá về mức độ đáp ứng của việc bảo đảm, kiến nghị của việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất, gửi cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.

4. Cơ quan tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ và cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp tổng hợp, phân tích xem xét các kiến nghị được quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Phối hợp trong xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn phát hiện, lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành hướng dẫn, hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể.

2. Cơ quan chuyên môn đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm được quy định tại khoản 1 Điều này theo các tiêu chí về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguyên nhân khác.

3. Cơ quan chuyên môn kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực; xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi cơ quan tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

4. Cơ quan tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại khoản 3 Điều này, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 9. Phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý. Các cơ quan, đơn vị và các địa phương không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, địa phương chủ động lựa chọn thêm lĩnh vực chuyên ngành để theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Nội dung của kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm của tỉnh, các văn bản có liên quan và quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

3. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh phải gửi Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp; kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện, cấp xã phải gửi cho cơ quan Tư pháp cấp trên trực tiếp để theo dõi, tổng hợp; kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh phải gửi cho cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

Điều 10. Phối hợp trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

b) Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực, thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (*sau đây gọi là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP*) và Điều 8, Điều 9 Thông tư số 14/2014/TT-BTP hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Sở Tư pháp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên trong việc cung cấp thông tin kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát về tình hình thi hành pháp luật; Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động truy tố, xét xử; Hội Luật gia, Đoàn Luật sư cung cấp ý kiến của các luật gia, luật sư về các vấn đề liên quan đến tình hình thi hành pháp luật; các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính khả thi của văn bản pháp luật; các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật; tổ chức, công dân có quyền gửi ý kiến, kiến nghị về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan tư pháp là đầu mối tiếp nhận thông tin để phân tích, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý, kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Cơ quan tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Đoàn kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật trong trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị.

Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải nêu rõ nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra. Đoàn kiểm tra hoặc người có thẩm quyền kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

3. Trong quá trình kiểm tra, khi phát hiện những thông tin cần xử lý theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị xử lý kết quả kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị thông báo về kết quả xử lý kiến nghị của đoàn kiểm tra cho người ra quyết định kiểm tra. Trường hợp không nhất trí với kết quả xử lý hoặc không nhận được kết quả xử lý, người ra quyết định kiểm tra gửi kiến nghị xử lý đến cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kết quả kiểm tra.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

a) Phối hợp với cơ quan Tư pháp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật.

b) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP; đồng thời gắn với kiểm tra thực hiện nội dung trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được xác định trong kế hoạch năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi kết thúc việc kiểm tra, đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra.

Điều 12. Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

Công tác điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 13. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật

Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 5 tháng 10 hàng năm.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 10 để tổng hợp kết quả chung.

c) Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng báo cáo chung toàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 10.

d) Nội dung, hình thức và báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn quản lý; báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

3. Báo cáo khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải áp dụng các biện pháp nhằm kịp thời ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra cho đời sống xã hội.

4. Báo cáo về kết quả xử lý các kiến nghị theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

NỘI DUNG PHỐI HỢP VÀ HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 14. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử; Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp số liệu tổng hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật đã được Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý, giải quyết hàng năm theo định kỳ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 10/2015/TT-BTP, biểu mẫu Số 5 Phụ lục số 02 Mẫu đề cương Báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo Báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật.

3. Hội luật gia tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Điều 15. Các hình thức tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác và cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức được quy định tại Điều 12 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 16. Bảo đảm sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cơ quan tư pháp chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân phản ánh; duy trì chuyên mục về tình hình thi hành pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

2. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện cơ chế cộng tác viên và sự tham gia của cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật; khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 17. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cộng tác viên được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, người đứng đầu cơ quan tư pháp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc theo từng vụ việc cụ thể.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp; công nhận danh sách Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật cấp tỉnh.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

6. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, xây dựng báo cáo định kỳ về công tác theo dõi thi hành pháp luật, báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 13 Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp;

8. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

9. Thực hiện các quy định tại Khoản 2 Điều 4 và Điều 10, khoản 1 Điều 12 Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.

3. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

4. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của ngành, lĩnh vực quản lý.

5. Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy chế này.

6. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm theo đúng thời gian quy định; báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 13 Quy chế này.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm theo đúng thời gian quy định; báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 13 Quy chế này.

5. Có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

c) Tổ chức điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

d) Tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn cấp huyện, xây dựng báo cáo định kỳ, báo cáo theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 10 Thông tư số 14/2014/TT-BTP trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý.

e) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tư pháp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện; Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thực hiện Quy chế này của cơ quan, đơn vị được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn